

KẾ HOẠCH
Thu thập dữ liệu tài nguyên và môi trường năm 2019
trên địa bàn tỉnh Bình Dương

Nhằm triển khai thực hiện tốt Quyết định số 43/2014/QĐ-UBND ngày 04 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy chế thu thập, quản lý, cập nhật, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường. Nay, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thu thập dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Dương năm 2019 như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Thu thập dữ liệu về tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh tại các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, các phòng ban cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã, các tổ chức có sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước hoặc có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước để đưa vào quản lý tập trung, đảm bảo tốt quá trình lưu trữ, thuận lợi cho công tác cung cấp thông tin phục vụ quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường và phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh.

b) Sau khi thu thập sẽ tiến hành hoàn thiện về nghiệp vụ như chỉnh lý, sắp xếp, phân loại, xác định giá trị tài liệu, thống kê lập công cụ tra cứu hồ sơ, tài liệu. Đồng thời, số hóa, tu bổ, bồi nền hồ sơ, tài liệu nhằm từng bước xây dựng cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Dương để tích hợp vào cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường quốc gia, tiến tới hình thành kho lưu trữ tài liệu điện tử của ngành.

c) Khi hoàn thiện sẽ công bố Danh mục dữ liệu về tài nguyên và môi trường trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên internet, trang thông tin điện tử nhằm phục vụ cho cộng đồng và yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội.

2. Yêu cầu

a) Thu thập dữ liệu Ngành tài nguyên và môi trường phải khoa học, phù hợp với điều kiện thực tiễn, theo đúng Quy chế thu thập, quản lý, cập nhật, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Dương và các quy định của pháp luật hiện hành. Nội dung dữ liệu thu thập, cập nhật phải phù hợp, chính xác, kịp thời, hiệu quả; ưu tiên mục tiêu sử dụng dài hạn và có thể dùng cho nhiều mục đích sử dụng khác nhau.

b) Dữ liệu về tài nguyên và môi trường phải là các bản gốc, bản chính gồm tài liệu, mẫu vật, số liệu đã được xử lý và lưu trữ theo quy định; trong trường hợp không còn bản gốc, bản chính thì được thay thế bằng bản sao hợp pháp.



c) Việc chỉnh lý, tu bổ, bồi nèn, số hóa hồ sơ, tạo lập cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường phải tuân thủ đúng các quy trình, nghiệp vụ, quy định, quy phạm, tiêu chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật về tạo lập cơ sở dữ liệu, chuẩn hóa, chuyển đổi và số hóa tài liệu lưu trữ theo quy định của pháp luật.

d) Cần có sự phối hợp chặt chẽ thống nhất giữa các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã, đảm bảo thực hiện kế hoạch hiệu quả, dứt điểm từng nội dung gắn với việc sơ kết, tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch thu thập dữ liệu tài nguyên và môi trường.

II. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG

1. Phạm vi

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao, thực hiện các đề tài, dự án có sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước hoặc có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước có trách nhiệm giao nộp dữ liệu cho các cơ quan chuyên môn thu thập, quản lý, cập nhật, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường theo quy định của pháp luật.

2. Đối tượng

a) Đối với cấp tỉnh

- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Sở Nội vụ;
- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Báo Bình Dương;
- Ban Quản lý dự án Đầu tư và Xây dựng tỉnh;
- Ban Quản lý các Khu công nghiệp Bình Dương;
- Ban Quản lý Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore;
- Công ty Cổ phần Nước Môi trường Bình Dương;
- Công ty TNHH Một thành viên Xổ số Kiến thiết Bình Dương.

b) Đối với cấp huyện

- Phòng Tài nguyên và Môi trường;
- Phòng Quản lý đô thị;
- Phòng Nội vụ;
- Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn.

III. NỘI DUNG

1. Danh mục dữ liệu thu thập

1.1. Thông tin, dữ liệu về đất đai gồm:

a) Kết quả đo đạc, lập bản đồ địa chính;

b) Đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính, thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất;

- c) Thống kê, kiểm kê đất đai;
- d) Lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;
- đ) Giá đất và bản đồ giá đất;
- e) Các thông tin, dữ liệu khác liên quan đến điều tra cơ bản về đất đai.

1.2. Thông tin, dữ liệu về tài nguyên nước gồm:

- a) Số lượng, chất lượng nước mặt, nước dưới đất;
- b) Số liệu điều tra khảo sát địa chất thủy văn;
- c) Các dữ liệu về khai thác, sử dụng tài nguyên nước và xả nước thải vào nguồn nước;
- d) Quy hoạch các lưu vực sông, quản lý, khai thác, bảo vệ các nguồn nước trong nước và liên quốc gia;

đ) Kết quả cấp, gia hạn, thu hồi, điều chỉnh giấy phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước; giấy phép xả nước thải vào nguồn nước; trám lấp giếng khoan không sử dụng;

- e) Các dữ liệu về các yếu tố ảnh hưởng đến tài nguyên nước;
- g) Hồ sơ kỹ thuật của các trạm, công trình quan trắc tài nguyên nước;
- h) Các dữ liệu về danh mục các lưu vực sông.

1.3. Thông tin, dữ liệu về địa chất và khoáng sản gồm:

a) Báo cáo kết quả điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản, báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản (Báo cáo địa chất);

b) Hồ sơ tiền cấp quyền khai thác khoáng sản;

c) Hồ sơ khu vực dự trữ tài nguyên khoáng sản quốc gia, khu vực có khoáng sản phân tán nhỏ lẻ; khoanh định khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản; khu vực có khoáng sản độc hại;

d) Kết quả thống kê; kiểm kê trữ lượng tài nguyên khoáng sản trên phạm vi toàn tỉnh;

đ) Kết quả cấp, gia hạn, thu hồi, cho phép, trả lại giấy phép hoạt động khoáng sản, cho phép tiếp tục thực hiện quyền hoạt động khoáng sản.

1.4. Thông tin, dữ liệu về môi trường gồm:

a) Báo cáo Hiện trạng môi trường các cấp;

b) Danh sách các cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học, các khu bảo tồn thiên nhiên; Danh mục các loài hoang dã, loài bị đe dọa tuyệt chủng, loài bị tuyệt chủng trong tự nhiên, loài đặc hữu, loài di cư, loài ngoại lai, loài ngoại lai xâm hại, loài nguy cấp, quý hiếm được ưu tiên bảo vệ, các loài trong Sách Đỏ Việt Nam;

c) Quy hoạch môi trường; Báo cáo Quy hoạch tổng thể bảo tồn đa dạng sinh học, các hệ sinh thái (trên cạn, dưới nước) và an toàn sinh học;

d) Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, Đề án bảo vệ môi trường, Kế hoạch bảo vệ môi trường, Báo cáo kết quả quan trắc môi trường định kỳ hàng năm;

đ) Báo cáo về nguồn thải, lượng chất thải, nguồn gây ô nhiễm, chất thải thông thường, chất thải công nghiệp, chất thải nguy hại có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; kết quả cải tạo, phục hồi môi trường trong các hoạt động khai thác khoáng sản; hiện trạng môi trường tại các mỏ khai thác khoáng sản; hiện trạng môi trường các điểm ô nhiễm hóa chất bảo vệ thực vật tồn lưu; dự án xử lý và phục hồi môi trường các điểm ô nhiễm hóa chất bảo vệ thực vật tồn lưu;

e) Báo cáo về tình hình nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất, nộp phí bảo vệ môi trường; kết quả giải quyết bồi thường thiệt hại, tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về môi trường đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết;

g) Báo cáo về khu vực bị ô nhiễm, nhạy cảm, suy thoái, sự cố môi trường; khu vực có nguy cơ xảy ra sự cố môi trường; bản đồ ô nhiễm môi trường và các biện pháp kiểm soát, phòng ngừa, giảm thiểu ô nhiễm môi trường;

h) Danh mục về các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng; Danh mục và tình hình bảo vệ môi trường làng nghề, khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất, cụm công nghiệp;

i) Kết quả về quản lý môi trường lưu vực sông, ven biển và biển; ô nhiễm môi trường xuyên biên giới;

k) Kết quả về xử lý chất thải, chất thải rắn, chất thải nguy hại, khí thải, nước thải, tiếng ồn, độ rung và các công nghệ môi trường khác;

l) Kết quả cấp, gia hạn, thu hồi các loại giấy phép về môi trường.

1.5. Thông tin, dữ liệu về khí tượng thủy văn gồm:

a) Thông tin, dữ liệu quan trắc, điều tra, khảo sát về khí tượng thủy văn, môi trường không khí và nước;

b) Thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn thu được từ nước ngoài, cơ quan, tổ chức quốc tế;

c) Biểu đồ, bản đồ, ảnh thu từ vệ tinh; phim, ảnh về đối tượng nghiên cứu khí tượng thủy văn;

d) Bản tin dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn; thông báo tình hình khí tượng thủy văn;

đ) Hồ sơ kỹ thuật của các trạm, công trình, phương tiện đo khí tượng thủy văn;

e) Hồ sơ cấp, gia hạn, đình chỉ, thu hồi giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn;

g) Kế hoạch và kết quả thực hiện tác động vào thời tiết.

1.6. Thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ gồm:

a) Thông tin, dữ liệu về hệ quy chiếu quốc gia, hệ thống số liệu gốc đo đạc quốc gia, các mạng lưới đo đạc quốc gia;

- b) Hệ thống không ảnh;
- c) Cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia; cơ sở dữ liệu bản đồ địa hình quốc gia, tỉnh;
- d) Sản phẩm đo đạc và bản đồ các cấp;
- đ) Sản phẩm đo đạc và bản đồ về địa giới hành chính các cấp;
- e) Bản đồ hành chính;
- g) Dữ liệu địa danh;
- h) Thông tin, dữ liệu về: Mạng lưới đo đạc chuyên dụng; hệ thống không ảnh chuyên dụng; sản phẩm hải đồ; sản phẩm bản đồ công trình ngầm; sản phẩm bản đồ hàng không; sản phẩm đo đạc và bản đồ quốc phòng; sản phẩm đo đạc và bản đồ chuyên ngành, chuyên đề khác.

1.7. Thông tin, dữ liệu về biến đổi khí hậu gồm:

- a) Thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn trong quá khứ và hiện tại quan trắc được từ mạng lưới trạm khí tượng thủy văn quốc gia, mạng lưới trạm khí tượng thủy văn chuyên dùng;
- b) Thông tin, dữ liệu về tác động của thiên tai khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu đến tài nguyên, môi trường, hệ sinh thái, điều kiện sống và hoạt động kinh tế - xã hội;
- c) Thông tin, dữ liệu về phát thải khí nhà kính và các hoạt động kinh tế - xã hội có liên quan đến phát thải khí nhà kính;
- d) Thông tin, dữ liệu quan trắc về ôzôn, bảo vệ tầng ôzôn và quản lý các chất làm suy giảm tầng ôzôn;
- đ) Bộ chuẩn khí hậu quốc gia;
- e) Kết quả đánh giá khí hậu quốc gia;
- g) Kịch bản biến đổi khí hậu các thời kỳ;
- h) Hồ sơ kỹ thuật của các trạm giám sát biến đổi khí hậu.

1.8. Thông tin, dữ liệu về viễn thám gồm:

- a) Thông tin về cơ sở hạ tầng viễn thám;
- b) Dữ liệu viễn thám;
- c) Dữ liệu quan trắc, giám sát tài nguyên và môi trường bằng viễn thám;
- d) Sản phẩm ảnh viễn thám;
- đ) Siêu dữ liệu viễn thám;
- e) Bản đồ chuyên đề từ ảnh viễn thám.

1.9. Kết quả thanh tra, giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo, giải quyết bồi thường thiệt hại về tài nguyên và môi trường đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết.

1.10. Văn bản quy phạm pháp luật, các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hướng dẫn kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật về tài nguyên và môi trường.



1.11. Hồ sơ, kết quả của các chiến lược, quy hoạch, chương trình, dự án, đề án, đề tài nghiên cứu khoa học công nghệ về tài nguyên và môi trường.

1.12. Hồ sơ, dữ liệu về thủy lợi, kiểm lâm

a) Hồ sơ, dự án ứng phó với hạn hán, khô hạn trên địa bàn tỉnh Bình Dương;

b) Hồ sơ cấp phép khai thác nước (của các công trình cấp nước sạch nông thôn và hồ chứa thủy lợi Cần Nôm);

c) Đề án bảo vệ môi trường (cho các công trình cấp nước nông thôn);

d) Dữ liệu về dự án nghiên cứu quy hoạch chi tiết về quản lý khai thác hai khu vực quan trọng trong bảo tồn đa dạng sinh học ở Bình Dương gồm khu di tích rừng Kiến An và khu vực Núi Cậu theo hướng bảo tồn và phát triển cảnh quan du lịch;

đ) Dữ liệu về dự án xây dựng mô hình quản lý, bảo vệ rừng và sử dụng bền vững dựa vào cộng đồng;

e) Dữ liệu về phương án phòng chống sự cố môi trường do cháy rừng trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

1.13. Nhóm tài liệu hình thành phổ biến chung trong hoạt động của các đơn vị gồm:

a) Tài liệu tổng hợp;

b) Tài liệu quy hoạch, kế hoạch, thống kê;

c) Tài liệu tổ chức nhân sự;

d) Tài liệu lao động tiền lương;

đ) Tài liệu tài chính kế toán;

e) Tài liệu xây dựng cơ bản;

i) Tài liệu khoa học công nghệ;

j) Tài liệu hợp tác quốc tế;

k) Tài liệu thanh tra và giải quyết khiếu nại tố cáo;

l) Tài liệu thi đua khen thưởng;

m) Tài liệu pháp chế;

n) Tài liệu về hành chính, quản trị công sở;

g) Tài liệu của tổ chức Đảng và các đoàn thể cơ quan.

1.14. Thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường khác theo quy định của pháp luật.

2. Các hình thức cung cấp

a) Gửi trực tiếp qua mạng thông tin điện tử (đối với dữ liệu số);

b) Gửi dữ liệu bằng văn bản (qua đường văn bản hành chính, qua đường bưu điện);

c) Giao nộp dữ liệu trực tiếp.

3. Thời gian giao nộp

- a) Trong thời hạn 03 tháng, kể từ ngày công trình được quyết toán đối với hồ sơ, tài liệu xây dựng cơ bản;
- b) Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày công việc kết thúc đối với hồ sơ, tài liệu thông tin tư liệu đo đạc và bản đồ;
- c) Sau 15 ngày kể từ ngày được phê duyệt đối với báo cáo địa chất;
- d) Trong thời hạn 01 năm, kể từ ngày công việc kết thúc đối với các loại hồ sơ, tài liệu còn khác;
- đ) Trong trường hợp tổ chức, cá nhân có nhu cầu giữ lại hồ sơ, tài liệu đã đến hạn giao nộp thì phải được người đứng đầu cơ quan đồng ý và phải lập danh mục hồ sơ, tài liệu giữ lại gửi cho Sở Tài nguyên và Môi trường (đối với cấp tỉnh) và Phòng Tài nguyên và Môi trường (đối với cấp huyện). Thời gian giữ lại hồ sơ, tài liệu không quá 02 năm, kể từ ngày đến hạn giao nộp.

4. Kinh phí

- a) Kinh phí thu thập, chỉnh lý, tu bổ, bồi nền, số hóa, chuẩn hóa tạo lập cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường tại cấp tỉnh do ngân sách cấp tỉnh đảm bảo;
- b) Kinh phí thu thập, chỉnh lý, số hóa, chuẩn hóa tạo lập cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường tại cấp huyện do ngân sách cấp huyện đảm bảo.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Tài nguyên và Môi trường

- a) Tổ chức hướng dẫn các văn bản pháp luật về thu thập, quản lý, cập nhật, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường;
- b) Hướng dẫn đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Kế hoạch; tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch thu thập dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Dương năm 2019; thành lập đoàn thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về thu thập, quản lý, cập nhật, khai thác và sử dụng dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh (nếu cần) nhằm chấn chỉnh kịp thời những sai phạm và xử lý vi phạm, khen thưởng theo quy định tại Điều 20 và 21 Quyết định số 43/2014/QĐ-UBND ngày 04/12/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh;
- c) Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chỉ đạo Trung tâm Công nghệ thông tin - Lưu trữ tài nguyên và môi trường lập thực hiện việc thu thập, chỉnh lý, tu bổ, số hóa, chuẩn hóa tạo lập cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Dương năm 2019 của cấp tỉnh theo quy định.

2. Trung tâm Công nghệ thông tin - Lưu trữ tài nguyên và môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường

- a) Lập dự toán kinh phí thực hiện Kế hoạch thu thập dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Dương năm 2019 cấp tỉnh theo quy định hiện hành;
- b) Thực hiện kế hoạch khảo sát tại các cơ quan, đơn vị tại mục 2a phần II của Kế hoạch này và lựa chọn thành phần hồ sơ, tài liệu cần thu thập, trong đó

ưu tiên các hồ sơ, tài liệu có giá trị và sử dụng được nhiều mục đích, đồng thời phù hợp với kinh phí được phê duyệt;

c) Chủ trì, phối hợp, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị có dữ liệu tài nguyên và môi trường thực hiện giao nộp theo kế hoạch;

d) Đề xuất trang thiết bị cần thiết (bìa, hộp, cặp đựng hồ sơ, tài liệu, tủ, giá, kệ để hồ sơ tài liệu...) đảm bảo đủ điều kiện lưu trữ, bảo quản an toàn tài liệu;

đ) Tổ chức thực hiện nhiệm vụ thu thập, chỉnh lý, số hóa, chuẩn hóa tạo lập cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Dương năm 2019 của cấp tỉnh theo quy định.

3. Sở Tài chính và Kho bạc Nhà nước tỉnh

Bố trí kinh phí, thẩm định và thực hiện thanh quyết toán kinh phí thực hiện Kế hoạch thu thập, chỉnh lý, số hóa, chuẩn hóa tạo lập cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Dương năm 2019 cấp tỉnh theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

4. Sở Nội vụ; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Báo Bình Dương; Ban Quản lý dự án Đầu tư và Xây dựng tỉnh; Ban Quản lý các Khu công nghiệp Bình Dương, Ban Quản lý Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore; Công ty Cổ phần Nước Môi trường Bình Dương; Công ty TNHH Một thành viên Xổ số Kiến thiết Bình Dương

a) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường thống kê dữ liệu tài nguyên và môi trường đã hoàn chỉnh được hình thành trong quá trình hoạt động của ngành, cơ quan, đơn vị và giao nộp dữ liệu và cơ sở dữ liệu về Trung tâm Công nghệ thông tin - Lưu trữ tài nguyên và môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định của pháp luật;

b) Thực hiện các nội dung tại Kế hoạch này theo đúng chức năng, nhiệm vụ được giao.

5. Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Ban hành Kế hoạch thu thập dữ liệu tài nguyên và môi trường cụ thể hóa trên địa bàn, đồng thời chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường thực hiện theo Kế hoạch;

b) Bố trí kinh phí đảm bảo thực hiện Kế hoạch thu thập dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn;

c) Đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện và tổng hợp báo cáo kết quả việc thực hiện Kế hoạch này trên địa bàn về Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 15/11/2019.

6. Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện

a) Lập dự toán kinh phí thực hiện Kế hoạch này trên địa bàn cấp huyện;

b) Thực hiện kế hoạch khảo sát cụ thể tại các phòng, ban cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã để lựa chọn thành phần hồ sơ, tài liệu cần thu thập, trong đó

ưu tiên các hồ sơ, tài liệu có giá trị và sử dụng được nhiều mục đích đồng thời phù hợp với kinh phí được phê duyệt;

c) Tổ chức thực hiện nhiệm vụ thu thập dữ liệu tài nguyên và môi trường cấp huyện năm 2019;

d) Hướng dẫn các quy trình, thủ tục giao nộp hồ sơ tài liệu đối với cấp huyện;

đ) Đề xuất trang thiết bị cần thiết (bìa, hộp, cặp đựng hồ sơ, tài liệu, tủ, giá, kệ để hồ sơ tài liệu...) đảm bảo đủ điều kiện lưu trữ, bảo quản an toàn tài liệu;

e) Thực hiện việc cung cấp danh mục dữ liệu và dữ liệu đã được xử lý cho cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường tỉnh theo quy định của pháp luật.

7. Phòng Tài chính – Kế hoạch và Kho bạc Nhà nước cấp huyện

Bố trí kinh phí, thẩm định và thực hiện thanh quyết toán kinh phí thực hiện Kế hoạch năm 2019 trên địa bàn huyện.

8. Phòng Quản lý đô thị, Phòng Nội vụ; Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn

a) Phối hợp với Phòng Tài nguyên và Môi trường thống kê dữ liệu tài nguyên và môi trường đã hoàn chỉnh được hình thành trong quá trình hoạt động cơ quan, đơn vị và giao nộp dữ liệu và cơ sở dữ liệu về Phòng Tài nguyên và Môi trường trên địa bàn huyện theo quy định của pháp luật;

b) Thực hiện các nội dung của Kế hoạch theo chức năng nhiệm vụ được giao;

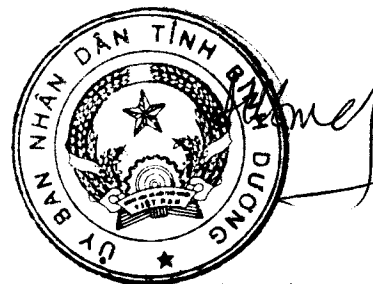
Yêu cầu Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các cơ quan thuộc tỉnh, các Doanh nghiệp có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn chỉ đạo, triển khai thực hiện nghiêm túc Kế hoạch này.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu phát sinh các vấn đề cần trao đổi, đề nghị các cơ quan, đơn vị liên hệ với Sở Tài nguyên và Môi trường thông qua Trung tâm Công nghệ thông tin - Lưu trữ tài nguyên và môi trường (đối với cấp tỉnh) và Phòng Tài nguyên và Môi trường (đối với cấp huyện) để được hướng dẫn./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục CNTT (Bộ Tài nguyên và Môi trường);
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Báo Bình Dương;
- Đài PTTH Bình Dương;
- Website tỉnh;
- LĐVP (Lg, Th), Tn, TH;
- Lưu: VT. 34

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC



Mai Hùng Dũng